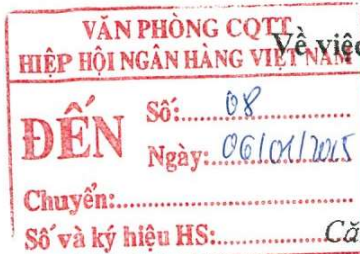


NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Số: 09 /QĐ-NHNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2025



QUYẾT ĐỊNH
Về việc tổ chức điều tra Kỳ vọng lạm phát đối với tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài thời kỳ 2025-2030

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;
Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;
Căn cứ Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, cơ quan ngang bộ;
Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Nghị định số 146/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07/4/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra, giám sát ngành ngân hàng đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17/5/2019 của Chính phủ;
Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-NHNN ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về điều tra thống kê tiền tệ, ngân hàng và ngoại hối ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia;
Căn cứ Quyết định số 07 /QĐ-NHNN ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê tiền tệ và ngân hàng;
Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiến hành điều tra thống kê Kỳ vọng lạm phát đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo Phương án điều tra ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức triển khai thực hiện điều tra theo Phương án điều tra Kỳ vọng lạm phát đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Tổng hợp, xử lý và biên soạn báo cáo kết quả điều tra.

2. Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Phối hợp cung cấp thông tin liên quan và hỗ trợ Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính thực hiện cuộc điều tra này.

3. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Cung cấp đầy đủ thông tin theo nội dung được yêu cầu trong thời hạn quy định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

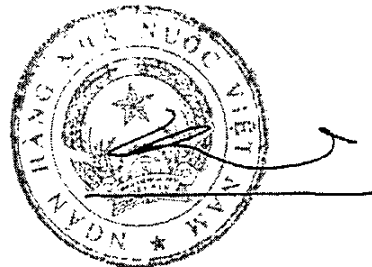
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 129/QĐ-NHNN ngày 23 tháng 01 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc tổ chức điều tra Kỳ vọng lạm phát đối với tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam thời kỳ 2019-2024.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BLD NHNN;
- Như điều 4;
- Lưu VP, DBTK (2b) (HDLCh) ✓

**KT.THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Phạm Thanh Hà



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

**Điều tra Kỳ vọng lạm phát đối với các tổ chức tín dụng
và chi nhánh ngân hàng nước ngoài thời kỳ 2025-2030**

*(Ban hành theo Quyết định số 09 /QĐ-NHNN ngày 03 tháng 01 năm 2025
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

1. Mục đích, yêu cầu điều tra

1.1. Mục đích điều tra: Đo lường kỳ vọng lạm phát phục vụ cho công tác phân tích, dự báo diễn biến lạm phát, làm cơ sở cho hoạch định, điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

1.2. Yêu cầu điều tra:

Điều tra kỳ vọng lạm phát đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải bảo đảm các yêu cầu chủ yếu sau:

- Công tác tổ chức triển khai, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu điều tra phải thực hiện theo đúng quy định của phương án điều tra;

- Kết quả điều tra phải được công bố và phổ biến kịp thời với hình thức phù hợp, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của người dùng tin;

- Đảm bảo thông tin điều tra đầy đủ, kịp thời, tránh trùng, sót, phù hợp với điều kiện thực tế và có tính khả thi;

- Quản lý tài chính phải bảo đảm đúng chế độ hiện hành, sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả.

2. Phạm vi, đối tượng, đơn vị điều tra

2.1. Phạm vi điều tra: Điều tra trên phạm vi cả nước đối với trụ sở chính tại Việt Nam của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2.2. Đối tượng điều tra: Tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

2.3. Đơn vị điều tra: Tổ chức tín dụng và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

3. Loại điều tra

Cuộc điều tra kỳ vọng lạm phát đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài là một cuộc điều tra toàn bộ.

4. Thời điểm (thời kỳ), thời gian và phương pháp điều tra

4.1. Thời điểm điều tra: Cuộc điều tra tiến hành bắt đầu từ ngày 01 hàng tháng.

4.2. Thời kỳ điều tra: Những chỉ tiêu thu thập theo thời điểm được lấy thông tin theo số liệu thực tế tại thời điểm điều tra và những chỉ tiêu thu thập thời kỳ được tham chiếu theo tháng, quý, năm và được quy định cụ thể trong từng chỉ tiêu của phiếu điều tra.

4.3. Thời gian điều tra: Tiến hành thu thập thông tin hàng tháng. Thời gian thu thập thông tin bắt đầu từ ngày 01 tháng hiện tại đến ngày 08 tháng hiện tại.

4.4. Phương pháp thu thập thông tin: Điều tra kỳ vọng lạm phát đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng phương pháp thu thập thông tin điều tra trực tuyến trên cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Nội dung, phiếu điều tra

5.1. Nội dung điều tra

- Nhận định về chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước;
- Kỳ vọng về mức thay đổi của chỉ số giá tiêu dùng (CPI);
- Nhận định về mức độ ảnh hưởng của các nhân tố chủ yếu tác động trực tiếp đến diễn biến lạm phát;
- Kỳ vọng về lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với nền kinh tế, nhận định về những nguyên nhân chính tác động đến diễn biến lãi suất;
- Kỳ vọng về thay đổi lợi suất trái phiếu Chính phủ, nhận định về những nguyên nhân chính tác động đến diễn biến lợi suất; dự kiến số dư mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ;
- Kỳ vọng về mức thay đổi của tỷ giá USD/VND, nhận định về những nguyên nhân chính tác động đến diễn biến tỷ giá USD/VND;
- Kỳ vọng về tốc độ tăng trưởng GDP, nhận định về những nguyên nhân chính tác động đến tăng trưởng GDP.

5.2. Phiếu điều tra: Cuộc điều tra sử dụng 01 loại phiếu điều tra “Phiếu điều tra kỳ vọng lạm phát đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam”.

6. Phân loại thống kê sử dụng trong điều tra

Cuộc điều tra sử dụng các danh mục và bảng phân loại thống kê sau:

- Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi đã được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm điều tra;

- Danh mục các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

7. Quy trình xử lý và biểu đầu ra của điều tra

7.1. Quy trình xử lý thông tin:

Thực hiện rà soát, kiểm tra, phê duyệt và yêu cầu chỉnh sửa khi cần thiết sau khi các đơn vị phê duyệt và gửi phiếu điều tra trực tuyến về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Sử dụng phương pháp thống kê mô tả, phương pháp phân tích Cân bằng (Balance Method) để phân tích các kết quả đầu ra.

7.2. Quy trình tổng hợp: Tải dữ liệu tổng hợp từ hệ thống điều tra trực tuyến, sử dụng phần mềm thống kê để tiến hành phân tích và tổng hợp kết quả đầu ra.

7.3. Biểu đầu ra: Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính chịu trách nhiệm thiết kế hệ thống biểu đầu ra và tổng hợp số liệu sau khi thu thập được (Phụ lục đính kèm).

8. Kế hoạch tiến hành điều tra

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện/hoàn thành¹
8.1	Chuẩn bị điều tra	
8.1.1	Dự thảo phương án điều tra chính thức	Tháng 11/2024
8.1.2	Lấy ý kiến thẩm định của Tổng cục Thống kê về Phương án điều tra	Tháng 11/2024
8.1.3	Ban hành Quyết định và Phương án điều tra	Tháng 12/2024
8.1.4	Hoàn thiện chỉnh sửa phần mềm điều tra trực tuyến trên cổng thông tin điện tử của NHNN	Tháng 1/2025
8.1.5	Lập và rà soát danh sách đơn vị điều	Hàng tháng

¹ Nếu các mốc thời gian nêu trên trùng vào các ngày nghỉ theo quy định của Nhà nước, thời hạn sẽ chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện/hoàn thành ¹
	tra	
8.2	Triển khai thu thập thông tin	Từ ngày 01 hàng tháng
8.3	Xử lý, tổng hợp	
8.3.1	Rà soát, kiểm tra, phê duyệt và yêu cầu chỉnh sửa khi cần thiết	Từ ngày 01 đến ngày 08 hàng tháng
8.3.2	Xử lý kết quả điều tra	Từ ngày 09 đến ngày 12 hàng tháng
8.3.3	Xây dựng và hoàn thiện báo cáo tổng hợp trình Ban lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước	Chậm nhất ngày 19 hàng tháng
8.4	Công bố thông tin	
8.4.1	Biên soạn và công bố sơ bộ kết quả điều tra từng tháng	Chậm nhất ngày 24 hàng tháng
8.4.2	Hội thảo công bố thông tin điều tra cho năm	Trình Thống đốc khi có phát sinh nhu cầu

9. Tổ chức điều tra

9.1. Công tác chuẩn bị

a. *Lập danh sách đơn vị điều tra:* Đơn vị điều tra là toàn bộ các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

b. *Tài liệu điều tra:* Tài liệu hướng dẫn trả lời phiếu điều tra trực tuyến được đăng tải trên cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước <https://www.sbv.gov.vn> (chuyên mục Thống kê/Điều tra thống kê/hướng dẫn).

9.2. Nghiệm thu và xử lý thông tin

Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính thực hiện rà soát, kiểm tra, yêu cầu chỉnh sửa bản trả lời phiếu điều tra nếu cần thiết để đảm bảo chất lượng và phê duyệt sau khi các đơn vị hoàn thành gửi phiếu điều tra trực tuyến về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Tài dữ liệu tổng hợp từ hệ thống điều tra trực tuyến, sử dụng phần mềm thống kê để tiến hành phân tích và tổng hợp kết quả đầu ra.

9.3. Công bố kết quả điều tra

Sau khi có kết quả điều tra, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiến hành công bố một số thông tin lên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước (chuyên mục Thống kê/Điều tra thống kê/Kết quả điều tra) và viết bài tuyên

truyền dựa trên một số thông tin trong báo cáo để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Ngân hàng Nhà nước và một số báo, tạp chí chuyên ngành khác (nếu cần thiết).

9.4. Tổ chức thực hiện

a. Các đơn vị tham gia điều tra

- Đơn vị chủ trì: Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Đơn vị phối hợp tiến hành điều tra: các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia vào cuộc điều tra.

- Lực lượng thực hiện điều tra, tổng hợp, xử lý thông tin điều tra: Công chức Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan

- Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính:

+ Chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức triển khai thực hiện điều tra theo Phương án điều tra kỳ vọng lạm phát đối với các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

+ Tổng hợp, xử lý và biên soạn báo cáo kết quả điều tra.

- Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: phối hợp cung cấp các thông tin liên quan và hỗ trợ Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính thực hiện cuộc điều tra này.

- Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam: cung cấp đầy đủ thông tin theo nội dung được yêu cầu trong thời hạn quy định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

10. Kinh phí điều tra

Kinh phí điều tra sử dụng nguồn kinh phí từ Ngân sách Nhà nước phân bổ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định pháp luật.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

PHIẾU ĐIỀU TRA KỶ VỌNG LẠM PHÁT ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Tên đơn vị:.....Số điện thoại:.....
 Địa chỉ của đơn vị:..... Mã tỉnh:
 Tên cá nhân liên hệ:.....Chức vụ:.....
 Phòng/ban:.....Số điện thoại:.....Email:.....
 Thời điểm thu thập thông tin: tháng .../...

CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ

1. Nhận định và kỳ vọng về chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước

Nhận định	Rất chặt	Chặt	Bình thường	Lỏng	Rất lỏng
a. Thời điểm hiện tại					

Kỳ vọng	Rất chặt	Chặt	Bình thường	Lỏng	Rất lỏng
b. Thời điểm kết thúc quý tới					
c. Thời điểm kết thúc 12 tháng tới					

GIÁ CẢ

2. Kỳ vọng về chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (Ghi cụ thể số tăng (+), giảm (-) bao nhiêu % hoặc không đổi (0) vào ô điền giá trị)

a. Tháng hiện tại so với tháng trước	%
b. Bình quân năm hiện tại so với bình quân năm trước	%
c. Bình quân năm tới so với bình quân năm hiện tại	%

3. Đánh giá về mức độ tác động của các nhân tố đến diễn biến CPI (điền số thứ tự từ 1 đến 5 vào các ô tương ứng, trong đó số 1 là nhân tố tác động mạnh nhất, số 5 là nhân tố tác động ít nhất)

	Năm hiện tại	Năm tới
a. Mất cân đối cung - cầu trên thị trường hàng hóa		
b. Điều chỉnh giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý		
c. Thay đổi chính sách tiền tệ		
d. Thay đổi chính sách tài khóa		
đ. Biến động giá hàng hóa thế giới (kể cả giá dầu)		

LÃI SUẤT

4. Kỳ vọng về thay đổi lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với nền kinh tế (ghi số cụ thể)

	Tăng	Không đổi	Giảm
a. Cuối tháng hiện tại so với cuối tháng trước	%		%
b. Cuối quý tới so với cuối năm trước	%		%
c. Cuối năm hiện tại so với cuối năm trước	%		%
d. Cuối năm tới so với cuối năm hiện tại	%		%

đ. Nhận định của Quý đơn vị về những nguyên nhân chính tác động đến diễn biến lãi suất trong thời gian tới?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Kỳ vọng về lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 05 năm (ghi số cụ thể; câu hỏi này chỉ áp dụng đối với các đơn vị có tham gia giao dịch trái phiếu chính phủ trên thị trường thứ cấp)

	Tăng	Không đổi	Giảm
a. Cuối tháng hiện tại so với cuối tháng trước	%		%
b. Cuối quý tới so với cuối năm trước	%		%
c. Cuối năm hiện tại so với cuối năm trước	%		%
d. Cuối năm tới so với cuối năm hiện tại	%		%

đ. Nhận định của Quý đơn vị về những nguyên nhân chính tác động đến diễn biến lợi suất trái phiếu Chính phủ trong thời gian tới?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

e. Dự kiến số dư mua, đầu tư trái phiếu Chính phủ của Quý đơn vị (điền dấu X vào ô lựa chọn)

	Tăng	Không đổi	Giảm
e1. Cuối tháng hiện tại so với cuối tháng trước			
e2. Cuối quý tới so với cuối năm trước			
e3. Cuối năm hiện tại so với cuối năm trước			
e4. Cuối năm tới so với cuối năm hiện tại			

TỶ GIÁ

6. Kỳ vọng về thay đổi tỷ giá giao ngay bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng của VND với USD (ghi số cụ thể; câu hỏi này chỉ áp dụng đối với các đơn vị có tham gia giao dịch ngoại hối trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng)

Kỳ vọng \ Tỷ giá VND với USD	Tăng (VND giảm giá so với USD)	Không đổi	Giảm (VND tăng giá so với USD)
a. Cuối tháng hiện tại so với cuối tháng trước	%		%
b. Cuối quý tới so với cuối năm trước	%		%
c. Cuối năm hiện tại so với cuối năm trước	%		%
d. Cuối năm tới so với cuối năm hiện tại	%		%

d. Nhận định của Quý đơn vị về những nguyên nhân chính tác động đến diễn biến tỷ giá USD/VND trong thời gian tới?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

7. Kỳ vọng về tốc độ tăng trưởng GDP (Ghi cụ thể số tăng (+), giảm (-) bao nhiêu % hoặc không đổi (0) vào ô điền giá trị)

a. Quý tới so với cùng kỳ năm trước	%
b. Năm hiện tại so với năm trước	%
c. Năm tới so với năm hiện tại	%

d. Nhận định của Quý đơn vị về những nguyên nhân chính tác động đến tăng trưởng kinh tế trong thời gian tới?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày hoàn thành phiếu điều tra: ngày.....tháng.....năm.....

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

**PHỤ LỤC: HỆ BIỂU ĐÀU RA KẾT QUẢ ĐIỀU TRA KỶ VỌNG LẠM PHÁT CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

Số lượng phiếu phát ra: Số lượng phiếu trả lời đúng hạn
 Số lượng phiếu trả lời: Số lượng phiếu trả lời trễ hạn:
 Tỷ lệ % các tổ chức trả lời: Số lượng phiếu không trả lời:

CHÍNH SÁCH TIỀN TỶ
 1. Nhận định và kỷ vọng về chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước

<i>% TCTD trả lời</i>	Thời điểm	Số lượng tổ chức trả lời	Rất chặt	Chặt	Bình thường	Lỏng	Rất lỏng	Chỉ số cân bằng
a. Thời điểm hiện tại			% tổ chức trả lời rất chặt/tổng số tổ chức trả lời	% tổ chức trả lời chặt/tổng số tổ chức trả lời	% tổ chức trả lời bình thường/tổng số tổ chức trả lời	% tổ chức trả lời lỏng /tổng số tổ chức trả lời	% tổ chức trả lời rất lỏng/tổng số tổ chức trả lời	Chỉ số cân bằng = Tỷ lệ Tổ chức trả lời "Rất chặt" +0,5* Tỷ lệ tổ chức trả lời "chặt" -0,5* Tỷ lệ tổ chức trả lời "lỏng" - Tỷ lệ tổ chức trả lời "rất lỏng"
b. Thời điểm kết thúc quý tới								
c. Thời điểm kết thúc 12 tháng tới								

GIÁ CẢ
 2. Kỳ vọng về chỉ số giá tiêu dùng (CPI)

Chỉ tiêu	Số lượng tổ chức trả lời	Giá trị trung bình kỳ vọng (mean)
a. Tháng hiện tại so với tháng trước		
b. Bình quân năm hiện tại so với bình quân năm trước		
c. Bình quân năm tới so với bình quân năm hiện tại		

3. Đánh giá về mức độ tác động của các nhân tố đến diễn biến CPI (điền số thứ tự từ 1 đến 5 vào các ô tương ứng, trong đó số 1 là nhân tố tác động mạnh nhất, số 5 là nhân tố tác động ít nhất)

% TCTD trả lời

Thời điểm	Số lượng tổ chức trả lời	a. Mất cân đối cung - cầu trên thị trường hàng hóa	b. Điều chỉnh giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý	c. Thay đổi chính sách tiền tệ	d. Thay đổi chính sách tài khóa	e. Biến động giá hàng hóa thế giới (tức cả giá dầu)
		Tính mean (trung bình) của tổng tổ chức trả lời	Tính mean (trung bình) của tổng tổ chức trả lời	Tính mean (trung bình) của tổng tổ chức trả lời	Tính mean (trung bình) của tổng tổ chức trả lời	Tính mean (trung bình) của tổng tổ chức trả lời
a. Kỳ vọng năm hiện tại						
b. Kỳ vọng năm tới						

LÃI SUẤT

4. Kỳ vọng về thay đổi lãi suất cho vay ngắn hạn VND đối với nền kinh tế

Thời điểm	% tổ chức trả lời tăng/tổng số tổ chức trả lời	% tổ chức trả lời không đổi/tổng số tổ chức trả lời	% tổ chức trả lời giảm/tổng số tổ chức trả lời	Giá trị trung bình kỳ vọng (mean)
a. Cuối tháng hiện tại so với cuối tháng trước				
b. Cuối quý tới so với cuối năm trước				
c. Cuối năm hiện tại so với cuối năm trước				
d. Cuối năm tới so với cuối năm hiện tại				

5. Kỳ vọng về lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 05 năm

Thời điểm	% tổ chức tăng/tổng số tổ chức trả lãi	% tổ chức trả lãi không đổi/tổng số tổ chức trả lãi	% tổ chức trả lãi giảm /tổng số tổ chức trả lãi	Giá trị trung bình kỳ vọng (mean)
a. Cuối tháng hiện tại so với cuối tháng trước				
b. Cuối quý tới so với cuối năm trước				
c. Cuối năm hiện tại so với cuối năm trước				
d. Cuối năm tới so với cuối năm hiện tại				

e. Dự kiến khối lượng đầu tư ròng trái phiếu Chính phủ của Quý Đơn vị

Thời điểm	% tổ chức trả lãi tăng/tổng số tổ chức trả lãi	% tổ chức trả lãi không đổi/tổng số tổ chức trả lãi	% tổ chức trả lãi giảm /tổng số tổ chức trả lãi
e1. Cuối tháng hiện tại so với cuối tháng trước			
e2. Cuối quý tới so với cuối năm trước			
e3. Cuối năm hiện tại so với cuối năm trước			
e4. Cuối năm tới so với cuối năm hiện tại			

TỶ GIÁ

6. Kỳ vọng về thay đổi tỷ giá giao ngay bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng của VND với USD (ghi số cụ thể; câu hỏi này chỉ áp dụng đối với các đơn vị có tham gia giao dịch ngoại hối trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng)

Thời điểm	% tổ chức trả lãi tăng/tổng số tổ chức trả lãi	% tổ chức trả lãi không đổi/tổng số tổ chức trả lãi	% tổ chức trả lãi giảm/tổng số tổ chức trả lãi	Giá trị trung bình kỳ vọng (mean)
a. Cuối tháng hiện tại so với cuối tháng trước				
b. Cuối quý tới so với cuối năm trước				
c. Cuối năm hiện tại so với cuối năm trước				
d. Cuối năm tới so với cuối năm hiện tại				

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

7. Kỳ vọng về tốc độ tăng trưởng GDP

Thời điểm	Số lượng tổ chức trả lãi	Giá trị trung bình kỳ vọng (mean)
a. Quý tới so với cùng kỳ năm trước		
b. Năm hiện tại so với năm trước		
c. Năm tới so với năm hiện tại		